

ÔN TẬP HỌC KÌ 2 – MÔN ĐỊA LÝ LỚP 11



PHẦN LÝ THUYẾT:

BÀI 1: LIÊN BANG NGA

Câu 1. Tại sao nói Liên Bang Nga là một nước có nền kinh tế đang khôi phục lại vị trí cường quốc ?

- Thời kì từ năm 1917 đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, Liên Bang Nga là một trụ cột có vai trò chính trong việc tạo dựng Liên bang Xô Viết thành cường quốc: Chiếm tỉ trọng cao trong một số sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp chủ yếu của Liên Xô như: chiếm 87,2% sản lượng dầu mỏ, 81,1% sản lượng khí đốt, 85,7% sản lượng điện, 60% sản lượng thép, 90% sản lượng gỗ, giấy, xen-lu-lô và 51,4 % sản lượng lương thực.
- Thập niên 90 của thế kỉ XX: Thời kì đầy khó khăn và biến động: Tốc độ tăng trưởng GDP âm, sản lượng các ngành kinh tế giảm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, vị trí và vai trò của Liên Bang Nga trên trường quốc tế giảm, tình hình chính trị xã hội bất ổn...
- Từ năm 2000 đến nay: nền kinh tế đi lên, trở lại vị trí cường quốc.
- Chiến lược kinh tế mới:
 - + Đưa nền kinh tế từng bước thoát khỏi khủng hoảng.
 - + Tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường
 - + Mở rộng ngoại giao.
 - + Coi trọng hợp tác với châu Á trong đó có Việt Nam.
 - + Nâng cao đời sống nhân dân.
 - + Khôi phục lại vị trí cường quốc.
- Thành tựu sau năm 2000:
 - + Vượt qua khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế
 - + Tình hình chính trị, xã hội ổn định.
 - + Sản lượng các ngành kinh tế tăng.
 - + Tốc độ tăng trưởng cao.
 - + Giá trị xuất siêu tăng liên tục.
 - + Thanh toán xong nợ nước ngoài.
 - + Vị trí Liên Bang Nga ngày càng quan trọng trên trường quốc tế. Liên Bang Nga nằm trong 8 nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G8).
- Khó khăn: sự phân hóa giàu nghèo, nạn chảy máu chất xám...

Câu 2. Trình bày các ngành kinh tế chính của Liên Bang Nga theo bảng sau:

	CÔNG NGHIỆP	NÔNG NGHIỆP	DỊCH VỤ
Đặc điểm	Là ngành xương sống của nền kinh tế Liên Bang Nga	Sản lượng nhiều ngành tăng, đặc biệt là lương thực tăng nhanh.	Cơ sở hạ tầng phát triển với đủ loại hình -Kinh tế đối ngoại là ngành kinh tế quan trọng là nước xuất siêu.
Sản phẩm chính	- Các ngành công nghiệp truyền thống: + Khai thác dầu khí là ngành mũi nhọn. + Năng lượng, khai thác kim loại, luyện kim, cơ khí, đóng tàu biển, sản xuất gỗ... - Các ngành công nghiệp hiện đại: + Điện tử, tin học, hàng không...là cường quốc công nghiệp vũ trụ.	Các nông sản chính: Lúa mì, khoai tây, củ cải đường, hướng dương, rau quả.	- Hệ thống đường sắt xuyên Xi-bia và đường sắt BAM có vai trò quan trọng để phát triển vùng Đông Xi-bia giàu có. - Thủ đô Mat-xcơ-va nổi tiếng với tàu điện ngầm...
Phân bố	Tập trung chủ yếu ở Đông Âu, Tây xia-bia, Uran., Viễn Đông...	Đồng bằng Đông Âu, Nam đồng bằng Tây Xi-bia	Mát - xcơ - va, Xanh Pê - téc - pua.

Câu 3. Các vùng kinh tế ở Nga và đặc điểm?

Vùng kinh tế	Đặc điểm nổi bật
Vùng Trung ương	Là vùng kinh tế lâu đời, phát triển nhất. Tập trung nhiều ngành công nghiệp. Sản lượng lương thực, thực phẩm lớn. Mát-xcơ-va là trung tâm kinh tế, chính trị, khoa học, du lịch của vùng và cả nước.
Vùng Trung tâm đất đen	Có dải đất đen phì nhiêu, thuận lợi để phát triển nông nghiệp. công nghiệp phát triển (đặc biệt là các ngành phục vụ nông nghiệp).
Vùng U-ran	Giàu tài nguyên. công nghiệp phát triển (khai thác kim loại màu, luyện kim, cơ khí, hóa chất, chế biến gỗ, khai thác và chế biến dầu mỏ, khí tự nhiên). Nông nghiệp còn hạn chế.
Vùng Viễn Đông	Giàu tài nguyên. Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, khai thác gỗ, cơ khí, đóng tàu, đánh bắt và chế biến hải sản. Đây là vùng kinh tế sẽ phát triển để hội nhập vào khu vực Châu Á- Thái Bình Dương

BÀI 2: NHẬT BẢN

Câu 1. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của Nhật Bản đến sự phát triển kinh tế ? Vì sao dân cư Nhật Bản tập trung đông ở vùng ven biển?

a/ Thuận lợi:

*** Vị trí địa lý:**

+ Là một quần đảo nằm ở phía Đông châu Á, thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế với bên ngoài bằng đường biển và phát triển du lịch biển.

+ Nằm gần các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á, giàu tài nguyên và đông dân, thuận lợi cho việc nhập khẩu nguyên liệu và buôn bán, trao đổi hàng hóa.

*** Điều kiện tự nhiên:**

+ Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, là nơi giao thoa giữa hai dòng biển nóng và lạnh nên có nhiều ngư trường lớn, rất thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển như dịch vụ cảng biển, giao thông, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản.

+ Địa hình núi với nhiều cảnh đẹp, suối khoáng nóng là điều kiện phát triển du lịch.

+ Khí hậu ôn đới gió mùa, cận nhiệt đới gió mùa với lượng mưa lớn là điều kiện thuận lợi cho việc trồng cây xứ lạnh (lúa mì, khoai tây, củ cải đường) và cây xứ nóng (lúa gạo, dâu tằm...).

+ Sông ngòi nhỏ, ngắn, dốc có giá trị thủy điện.

+ Tỷ lệ diện tích rừng so với diện tích tự nhiên lớn là điều kiện phát triển lâm nghiệp và bảo vệ môi trường.

→ Dân cư Nhật Bản tập trung đông ở vùng ven biển vì nơi đây tập trung các thành phố lớn với đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, biển có nhiều ngư trường lớn, rất thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển như dịch vụ cảng biển, giao thông, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế với các nước có nền kinh tế phát triển như Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước ở khu vực Đông Nam Á

b/ Khó khăn:

+ Nghèo khoáng sản, thiếu nguyên liệu cho ngành công nghiệp nặng.

+ Vị trí nằm ở vành đai lửa Thái Bình Dương nên hay có động đất, núi lửa, sóng thần, gây thiệt hại lớn cho đời sống và sản xuất.

+ Nằm ở vùng hay có bão, địa hình chủ yếu là đồi núi (chiếm ¾ diện tích) và nhiều các đảo → giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn.

+ Sông nhỏ, ngắn, dốc nên lượng nước cung cấp cho sản xuất, sinh hoạt còn thiếu.

Câu 2. Chứng minh dân số Nhật Bản đang già hoá?

- Tỷ lệ người dưới 40 tuổi, nhất là tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi giảm nhanh chóng.(năm 1950: 35,4%, năm 2005: 13,9%)

- Tỷ lệ người trên 40 tuổi, nhất là tỷ lệ người già từ 65 tuổi trở lên tăng nhanh chóng.(1950: 5%, 2005: 19,2%, dự báo năm 2025: 28,2%)
- Đặc biệt, dự báo đến năm 2025, dân số Nhật Bản sẽ giảm khoảng 10,7 triệu người so với năm 2005 (chỉ còn 117 triệu người so với 127,7 triệu người hiện nay).
- Gia tăng dân số thấp và dân số thấp và đang giảm dần, chỉ còn 0,1% vào năm 2005, tuổi thọ cao.

Câu 3. Chứng minh Nhật Bản có nền công nghiệp phát triển cao?

- Sản lượng công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ.
- Nhật Bản chiếm vị thế cao trên thế giới về nhiều sản phẩm công nghiệp:
 - + 41% sản lượng tàu biển của thế giới.
 - + Sản xuất ra 25% sản lượng ô tô, xuất khẩu khoảng 45% số xe sản xuất ra.
 - + Sản xuất khoảng 60% lượng xe gắn máy của thế giới và xuất khẩu 50% số xe sản xuất ra
 - + Chiếm khoảng 22% sản phẩm công nghiệp tin học của thế giới
 - + Đứng đầu thế giới về sản xuất vi mạch và chất bán dẫn.
 - + Đứng thứ hai trên thế giới về vật liệu truyền thông.
 - + Chiếm 60% tổng số rô bốt thế giới
 - + Nổi tiếng thế giới về kỹ thuật xây dựng các công trình ngầm, cầu biển, các tòa tháp, nhà cao tầng.

Câu 4. Những nét chính về nền nông nghiệp ở Nhật Bản ?

a.Đặc điểm:

- Giữ vai trò thứ yếu (1% trong GDP)
- Diện tích đất nông nghiệp ít (14% lãnh thổ).
- Phát triển theo hướng thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật , công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng nông sản
- Đánh bắt nuôi trồng thủy sản được chú trọng.

b.Phân loại:

- Trồng trọt:Lúa gạo là cây trồng phổ biến, chiếm 50% diện tích đất canh tác,chè,thuốc lá,dâu tằm là những cây trồng phổ biến.
- Chăn nuôi: bò, lợn, gà theo phương pháp tiên tiến trong các trang trại.
- Đánh bắt hải sản:Cá thu,cá ngừ, tôm, cua, sản lượng đang có xu hướng giảm
- Nuôi trồng hải sản: Tôm, sò huyết, cua, rau câu, trai lấy ngọc...phát triển.

BÀI 3: TRUNG QUỐC

Câu 1. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên của miền Đông và miền Tây đối với sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp Trung Quốc?

	Miền Đông	Miền Tây	Thuận lợi và khó khăn
Địa hình	Vùng núi thấp và các đồng bằng màu mỡ: ĐB Hoa Bắc, ĐB Đông Bắc, ĐB Hoa Trung... Độ cao: 1500 mét trở xuống	-Gồm nhiều dãy núi cao, hùng vĩ: Himalaya, Thiên sơn. -Các cao nguyên và bồn địa Độ cao: 1500 mét trở lên	Thuận lợi: phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ... Khó khăn: giao thông Đông-Tây..
Khí hậu	-Phía Bắc ôn đới gió mùa. -Phía Nam cận nhiệt đới gió mùa.	- Ôn đới lục địa khắc nghiệt. - Ít mưa	- Thuận lợi: phát triển nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng - Khó khăn: lũ lụt, bão, hạn hán. Miền Tây hình thành các hoang mạc
Sông ngòi	Nhiều sông lớn: sông Trường Giang, Hoàng Hà, Tây Giang	Là nơi bắt nguồn của nhiều hệ thống sông lớn	- Thuận lợi: Sông của Miền Đông có giá trị về thủy lợi, thủy điện, giao thông. - Khó khăn: lũ lụt...

Khoáng sản	Khí đốt, dầu mỏ, than, sắt, thiếc, mangan	Nhiều loại than, sắt, dầu mỏ, thiếc, đồng..	- Thuận lợi: phát triển công nghiệp khai khoáng
-------------------	---	---	---

Câu 2. Trình bày đặc điểm dân cư Trung Quốc? Giải thích vì sao dân cư của Trung Quốc chủ yếu tập trung ở miền Đông?

- Dân số đông nhất thế giới, hơn 1.5 tỉ người (2005) chiếm 1/5 dân số thế giới
- Gia tăng dân số nhanh, gần đây đã giảm, chỉ còn 0.6% (2005)
- Dân tộc: trên 50 nhóm dân tộc, đông nhất là người Hán (chiếm 90%)
- Phân bố: dân cư tập trung đông ở miền đông, nhất là các Đông bằng châu thổ, thành phố lớn, miền tây thưa thớt.
- Tỷ lệ dân thành thị của TQ là 37% (2005), miền đông là nơi tập trung các thành phố lớn như: Bắc Kinh, Thượng Hải, An Sơn, Trùng Khánh...
- Miền Đông dân cư tập trung đông đúc là do có điều kiện tự nhiên thuận lợi; địa hình thấp, nhiều đồng bằng có đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu ôn đới gió mùa và cận nhiệt đới gió mùa.
- Miền Tây dân cư thưa thớt là do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, địa hình núi cao hiểm trở, khí hậu lục địa khắc nghiệt, hoang mạc và bán hoang mạc, thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất...
- Chính sách dân số: mỗi gia đình chỉ có một con có tác dụng làm giảm nhanh tỉ suất sinh và tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên Trung Quốc, năm 2005 chỉ còn 0.6%.

Câu 3. Trung Quốc đã thực hiện chiến lược gì phát triển công nghiệp? Những thành tựu đạt được từ chiến lược trên.

Chiến lược phát triển công nghiệp

- Chuyển từ nền kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường. Chủ động lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Thực hiện chính sách mở cửa trao đổi hàng hoá, thu hút đầu tư nước ngoài (năm 2004 thu hút đầu tư nước ngoài đạt 60,6 tỉ USD).
- Quản lý sản xuất công nghiệp tại các đặc khu kinh tế, các khu chế xuất.
- Hiện đại hoá trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao cho các ngành công nghiệp.
- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, sau đó tập trung phát triển các ngành công nghiệp nặng truyền thống như: khai khoáng, luyện kim, chế tạo máy, hoá chất.....
- Năm 1994 Trung Quốc thực hiện chính sách công nghiệp mới, tập trung phát triển 5 ngành công nghiệp: chế tạo máy, điện tử, hoá dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.
- Phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao như: điện tử, cơ khí chính xác chế tạo máy bay. đặc biệt Trung Quốc đã phóng thành công tàu vũ trụ Thần Châu V.
- Phát triển các ngành vật liệu xây dựng, gốm sứ, dệt.... dựa vào lực lượng lao động và nguồn nguyên liệu dồi dào ở địa phương.

Thành tựu:

- Sản lượng một số ngành công nghiệp tăng nhanh và có thứ bậc cao của thế giới như: than, thép, xi măng, phân đạm và điện.
- Các ngành công nghiệp kỹ thuật cao : điện tử, cơ khí chính xác, máy móc tự động.... đạt nhiều thành tựu cao.

Tại sao sản xuất công nghiệp ở Trung Quốc lại tập trung ở Miền Đông và vùng duyên hải ven biển ?

- Vì miền Đông có nhiều thuận lợi trong phát triển công nghiệp.
 - + Vị trí địa lí: Dễ giao lưu với bên ngoài trong việc xuất nhập khẩu.
 - + Điều kiện tự nhiên thuận lợi: Địa hình bằng phẳng, nhiều khoáng sản, nguồn nước dồi dào,...
 - + Dân cư đông đúc: Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn
 - + Nguyên liệu từ nông nghiệp, thủy sản dồi dào (là miền có nông nghiệp trù phú).
 - + Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật mạnh
 - + Thu hút đầu tư nước ngoài.
 - + Là nơi tập trung các trung tâm công nghiệp lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải và Hồng Kông...
- Khó khăn: nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật...

Câu 4. Trình bày những đặc điểm nổi bật của nông nghiệp Trung Quốc?

- Áp dụng nhiều chính sách, biện pháp để cải tạo trong nông nghiệp như: giao quyền sử dụng đất cho nông dân, cải tạo, xây dựng mới đường giao thông, phát triển hệ thống thủy lợi chống khô hạn và lũ lụt,.....nhằm tạo điều kiện khai thác tiềm năng lao động, tài nguyên của đất nước.
- Sản xuất được nhiều loại nông sản có sản lượng và năng suất cao như: lương thực, bông, thịt lợn,..
- Ngành trồng trọt chiếm ưu thế hơn so với ngành chăn nuôi.
- Cây lương thực chiếm vị trí quan trọng về diện tích và sản lượng.
- Các vùng nông nghiệp tập trung chủ yếu ở miền đông và châu thổ các sông lớn.

Miền tây chủ yếu phát triển chăn nuôi gia súc lớn: Cừu, Lạc đà,...

Tuy nhiên, bình quân lương thực đầu người vẫn còn thấp.

Vì sao sản xuất nông nghiệp tập trung chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc ?

Nông nghiệp Trung Quốc tập trung ở miền đông vì:

- ĐKTN: đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa,...
- ĐKKT-XH: dân cư đông đúc, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, thị trường tiêu thụ lớn; đông dân, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm phát triển, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển, sự hỗ trợ của công nghiệp,...

BÀI 4: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á.

Câu 1. Đặc điểm về tự nhiên của khu vực Đông Nam Á – Nêu những thuận lợi và khó khăn ?

- Nằm ở phía đông nam của châu Á, Đông Nam Á tiếp giáp với hai lục địa và hai đại dương.
- Hệ quả:
 - + Thuận lợi:
 - . Tự nhiên đa dạng (khí hậu, sinh vật, khoáng sản...)
 - . Giao lưu quốc tế, sớm giao thoa với các nền văn hoá lớn: Trung Quốc và Ấn Độ
 - + Hạn chế:
 - . Nhiều thiên tai
 - . Các thế lực bên ngoài thường nhòm ngó, can thiệp
- Bao gồm 11 quốc gia và chia thành 2 vùng:
 - + Đông Nam Á lục địa
 - + Đông Nam Á biển đảo

Yếu tố tự nhiên		Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo
Địa hình		Bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi, có các thung lũng rộng và các đồng bằng châu thổ	Ít đồng bằng, nhiều đồi núi
Khí hậu		Nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo	Nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo, xích đạo
Sông ngòi		Nhiều sông, có các hệ thống sông lớn: Hồng, Mê Công, Mê Nam...	Nhiều sông nhưng phần lớn là sông ngắn
Tài nguyên thiên nhiên	Đất trồng	Đất phù sa trên các đồng bằng châu thổ, đất feralit ở miền núi, trung du, cao nguyên	
	Rừng	Rừng xích đạo, rừng nhiệt đới ẩm có diện tích lớn, nhiều gỗ, lâm sản, động thực vật quý hiếm	
	Biển, bờ biển	Nhiều bãi biển đẹp, biển có nhiều hải sản và khoáng sản	
	Khoáng sản	Dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, thiếc, sắt, đồng, bôxít	

	Thủy năng	Trữ năng thủy điện lớn ở thượng nguồn các sông
Khả năng phát triển kinh tế	Trồng cây lương thực, cây công nghiệp; công nghiệp khai khoáng, rừng..., thủy điện, các ngành kinh tế biển...	
<p>a) Thuận lợi cho phát triển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp nhiệt đới nhờ khí hậu nóng ẩm, đất feralit đồi núi, đất đỏ badan, đất phù sa màu mỡ, mạng lưới sông ngòi dày đặc. - Giao lưu thương mại, các ngành kinh tế biển (trừ Lào) - Công nghiệp, do vị trí nằm trong vành đai sinh khoáng, giàu khoáng sản, thềm lục địa nhiều dầu khí. - Lâm nghiệp với rừng mưa nhiệt đới, rừng xích đạo ẩm quanh năm. 		
<p>b) Khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều thiên tai như động đất, sóng thần, bão, lũ lụt,... - Rừng đang có nguy cơ thu hẹp do khai thác không hợp lý và do cháy rừng. <p>=> Cần tích cực phòng chống, khắc phục thiên tai; khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.</p>		

Câu 2. Trình bày về đặc điểm dân cư xã hội Đông Nam Á ?

a/ Dân cư:

- Dân số trẻ, số dân đông, mật độ dân số cao (124 người/km² - năm 2005)
- Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên trước đây khá cao, hiện nay đã có xu hướng giảm
- Dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở đồng bằng và các vùng đất badan
- Nguồn lao động dồi dào, số người trong độ tuổi lao động lớn, tuy nhiên trình độ tay nghề còn hạn chế.

b/ Xã hội:

- Các quốc gia đều có nhiều dân tộc => gặp khó khăn trong quản lí, ổn định chính trị, xã hội ở mỗi nước
- Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới (Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Âu – Mỹ) nên Đông Nam Á tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa, tôn giáo xuất hiện trong lịch sử nhân loại
- Có nhiều tôn giáo: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo,...
- Nét tương đồng về phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa là cơ sở thuận lợi để các quốc gia hợp tác cùng phát triển.

Câu 3. Những khó khăn về đặc điểm dân cư đến việc phát triển kinh tế ở khu vực Đông Nam Á ?

- Dân số đông, mật độ dân số cao => thiếu việc làm => thu nhập thấp.
- Lao động có trình độ chuyên môn cao còn thiếu => khó khăn trong việc phát triển các ngành công nghệ đòi hỏi trình độ cao.
- Phân bố dân cư không đồng đều => khai thác tài nguyên, nguồn lực ở miền núi gặp khó khăn, quản lí xã hội ở các vùng đông dân cũng gặp nhiều khó khăn, quản lí xã hội ở các vùng đông dân gặp nhiều trở ngại
- Đa dân tộc, đa tôn giáo => dễ nảy sinh các mâu thuẫn, xung đột xuất phát từ quyền lợi, định kiến về phong tục, tập quán, văn hóa, tôn giáo... => dễ mất ổn định về an ninh, chính trị.. từ đó làm ảnh hưởng, làm chậm tốc độ phát triển kinh tế.

📖 PHẦN THỰC HÀNH:

- Xem lại các bài thực hành của mỗi bài học.

1. Bài 2/72: biểu đồ cột

Nhận xét:

- So từ 1995 → 2005: sản lượng lương thực tăng.
- 1995 → 2005: sản lượng lương thực có lúc tăng lúc giảm, cụ thể:
 - + 1995 → 1998: sản lượng lương thực giảm
 - + 1998 → 2002 : sản lượng lương thực tăng rất nhanh.
 - + 2002 → 2005: sản lượng lương thực giảm

2. Bài 1/73: biểu đồ cột hoặc đường

Nhận xét: GDP của Liên Bang Nga tăng giảm không ổn định.

- Từ năm 1990 đến năm 2000 GDP của Nga giảm từ 967,3 tỉ USD xuống còn 259,7 tỉ USD.
- Từ năm 2000 đến năm 2004 liên tục tăng, từ 259,7 lên 582,4 tỉ USD.
- Nguyên nhân: Do khủng hoảng KT – CT và xã hội vào đầu thập kỉ 90.
- Trong những năm gần đây Nga đã lấy lại nhịp độ phát triển và tăng trưởng kinh tế.

3. Bài 3/78: biểu đồ đường

Nhận xét:

- Tốc độ tăng GDP giai đoạn 1990 – 2005 chậm hơn rất nhiều so với giai đoạn 1950 -1973
- Giai đoạn 1950 – 1973: tốc độ tăng GDP cao và có xu hướng giảm dần đều.
- Giai đoạn 1990 – 2005: tốc độ tăng GDP không đều, lúc tăng, lúc giảm.

4. Bài 1/84: vẽ biểu đồ miền hoặc cột đôi

5. Bài 3/97: biểu đồ tròn

Nhận xét:

- Tỷ trọng xuất khẩu tăng lên từ năm 1985 đến năm 1995, sau đó lại giảm vào năm 2004. Nhưng nhìn chung từ năm 1985 đến năm 2004 tỷ trọng xuất khẩu tăng.
- Tỷ trọng nhập khẩu giảm từ năm 1985 đến năm 1995, sau đó lại tăng vào năm 2004. Nhưng nhìn chung cả thời kì giảm.
- Năm 1985 Trung Quốc nhập siêu.
- Các năm 1995, 2004 Trung Quốc xuất siêu.
⇒ Cán cân xuất nhập khẩu thể hiện sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc .
- Cán cân xuất nhập khẩu Trung Quốc đã có sự thay đổi cơ bản:
+ Năm 1985 tỷ trọng giá trị nhập khẩu còn lớn hơn tỷ trọng giá trị xuất khẩu ⇒ Trung Quốc nhập siêu.
+ Từ năm 1995 tỷ trọng giá trị xuất khẩu đã lớn hơn tỷ trọng giá trị nhập khẩu ⇒ Trung Quốc trở nên xuất siêu.

Tuy nhiên ta thấy mức chênh lệch giữa tỷ trọng giá trị xuất khẩu và tỷ trọng giá trị nhập khẩu của Trung Quốc không nhiều và có sự giao động. Cụ thể, năm 1995 mức chênh lệch giữa tỷ trọng giá trị xuất khẩu và tỷ trọng giá trị nhập khẩu là 7% thì năm 2004 chỉ còn 2,8%.